

Bản án số: **10/2017/ DS-PT**

Ngày: 28-7-2017

V/v tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hồng Quân

Các Thẩm phán: Ông Vũ Dũng

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trà - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Lương Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2017/TLPT-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp đất đai.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà dân sự phúc thẩm số 11/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1969

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1966

Cùng địa chỉ: Bản K, xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Có mặt tại phiên toà)

- Đồng bị đơn:

1. Bà Vi Thị C, sinh năm 1975

2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Bản K, xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Có mặt tại phiên tòa)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Quốc M, sinh năm 1932

Địa chỉ: Bản K, xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Liên H - Chủ tịch UBND xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hứa Thành V - Cán bộ địa chính xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái theo văn bản ủy quyền ngày 19-9-2016.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Vi Thị C và ông Nguyễn Văn B là đồng bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:*

Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT – VKSLY ngày 26-4-2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện ngày 19-4-2016 và các bản tự khai của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Năm 1989, bố đẻ của ông T là ông Nguyễn Quốc M đến ở chung với gia đình ông T và giao lại cho gia đình ông T mấy đám ruộng và một mảnh đất liền kề ruộng thuộc khu vực chân núi, đường bản K, xã X để quản lý và canh tác. Kể từ đó, gia đình ông T liên tục canh tác trên đất. Năm 2013 thực hiện chủ trương của nhà nước về việc quy hoạch và giao khoán đất đến từng hộ dân, được sự nhất trí của gia đình, ông T cùng đoàn đo đạc đến chỉ dẫn danh giới thửa đất và cùng các hộ liền kề, trong đó có cả hộ gia đình ông B và các hộ khác, sau khi xác định danh giới tiếp giáp đoàn đo đạc lập hồ sơ địa chính có chi tiết các thửa đất của ông T, sau đó gia đình ông T làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, nhưng chưa được cấp. Năm 2014, bà Vi Thị C (vợ ông B) có đến hỏi bà Dương Thị N (vợ ông T) mượn đất để trồng một vụ sắn, sau

khi thu hoạch sẵn xong, gia đình ông B sẽ trả lại đất, cùng khoảng thời gian đó ông M về ở cùng gia đình ông B. Tháng 01 năm 2016, bà N có đến hỏi xin lại đất để canh tác, nhưng gia đình ông B không trả, ông T đã làm đơn đề nghị Ủy ban nhân dân (UBND) xã giải quyết nhưng không có kết quả. Nay ông T khởi kiện yêu cầu gia đình ông B trả lại toàn bộ diện tích đã lấn chiếm.

Tại các bản tự khai và tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: Gia đình ông có một thửa đất đồi canh tác từ trước đến nay, dưới chân đồi có một đường mòn, dưới đường có bốn đám ruộng của bố mẹ đẻ. Năm 1989 bố mẹ ông sống ly thân, ông ở lại với mẹ và tiếp tục canh tác trên diện tích đất đó, đến năm 1994 ông xây dựng gia đình nên mẹ ông cho vợ chồng ông canh tác trồng keo, bồ đề, sản liên tục không có tranh chấp. Năm 1997, chính quyền địa phương đến hỏi gia đình ông B để sử dụng một phần đất ở phía chân đồi của hộ gia đình ông B làm đường vào thôn bản K và được gia đình ông B nhất trí. Sau đó, phần diện tích đất bên dưới đường ông B trồng cây bồ đề và đã khai thác, vì có đường điện đi qua sát mảnh đất mà gia đình ông canh tác và không được trồng cây cao ảnh hưởng đến đường dây điện nên gia đình chuyển sang trồng sản từ đó đến nay. Đến đầu năm 2016, bà N đến nhổ gốc sản mà gia đình ông B đã trồng và đòi lại diện tích đất nêu trên, gia đình ông B không nhất trí vì ông B cho rằng không mượn đất của ông T, diện tích đất đó là được mẹ đẻ cho để dự trữ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã áp dụng Điều 203 của Luật đất đai 2013; Điều 274; 277; 278; 357; 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147; 157; 158; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T. Buộc ông Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ thu dọn toàn bộ tài sản là sản có trên đất để trả cho hộ ông Nguyễn Văn T toàn bộ diện tích đất đang có tranh chấp là 821,2m². Vị trí, ranh giới, mốc giới thửa đất: Phía Bắc có cây bưởi giáp đất ông Nguyễn Văn M; phía Đông một phần giáp ruộng ông Nguyễn Văn T và một phần giáp khe núi dưới chân đồi; phía Tây giáp đường bê tông thôn A đi Bản K, xã X, huyện L; phía Nam giáp bụi tre. (Chi tiết có sơ đồ kèm theo).

Tạm giao toàn bộ diện tích đất là 821,2m² cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn T sử dụng, canh tác.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí thẩm định tại chỗ, lãi suất chậm thi hành án, quyền về thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24-4-2017 bị đơn ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 13-4-2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xem xét lại các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ngày 26-4-2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái ra Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKSL đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm theo hướng hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao lại cho Tòa án nhân dân huyện L để xác minh, thu thập chứng cứ và xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đồng nguyên đơn bà Dương Thị N và ông Nguyễn Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Đồng bị đơn là bà Vi Thị C và ông Nguyễn Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến quá trình xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DSST ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L đã xác định đúng quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp quyền sử dụng đất; tranh chấp đã được UBND xã X hoà giải nhưng không thành nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[2] Về người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân huyện L đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đồng nguyên đơn, đồng bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung vụ án: Xét nội dung quyết định của bản án sơ thẩm và kháng cáo của đồng bị đơn, Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Đồng nguyên đơn Nguyễn Văn T, Dương Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả lại quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 588 do gia đình nguyên đơn đã kê khai và được đo đạc năm 2013. Tuy nhiên trong đơn khởi kiện, các lời khai của nguyên đơn đều không xác định rõ diện tích đất nguyên đơn đơn yêu cầu là bao nhiêu, kích thước, vị trí trên thực địa như thế nào?

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện L đã tiến hành thẩm định phần đất đang có tranh chấp, tuy nhiên việc thẩm định mới chỉ chung chung mà không xác định cụ thể số liệu, diện tích thửa đất số 588 mà người đứng tên đo đạc làm thủ tục đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013 là ông T và phần diện tích đất còn lại là của ai, thuộc thửa đất nào, có kích thước vị trí trên thực địa như thế nào và có nằm trong diện tích đất mà gia đình bị đơn Nguyễn Văn B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?. Ngoài ra theo Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ số 09/2016/QĐ-TĐTC ngày 28-7-2016 thì ngày, giờ tiến hành thẩm định là 09 giờ ngày 05-8-2016. Tuy nhiên trong hồ sơ chỉ có biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10-8-2016; tại phiên toà phúc thẩm các đương sự Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn B đều khai vào ngày 05-8-2016 có đủ thành phần đến thẩm định, có lập biên bản nhưng mấy ngày sau lại thấy cán bộ đến đo đạc lại và nội dung như thế nào thì các đương sự không biết. Như vậy việc thẩm định tại chỗ của Toà án cấp sơ thẩm là không đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

Trong quá trình giải quyết, tại biên bản hoà giải ngày 06-10-2016, bị đơn Nguyễn Văn B đã trình bày diện tích đất đang tranh chấp gia đình bị đơn đã được cấp sổ, mặc dù ông Nguyễn Văn B không biết và không cung cấp theo yêu cầu của Tòa án, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm đã không làm rõ nội dung này tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngày 14-4-2017, bị đơn Nguyễn Văn B xuất trình 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 594984, số vào sổ CH00060 do UBND huyện L cấp ngày 18-12-2013 cho ông Nguyễn Văn B, bà Vi Thị C, thửa đất số 653 tại tờ bản đồ số 01, diện tích 2.591m², đất rừng sản xuất, địa chỉ ở bản K, xã X, huyện L, tỉnh Yên Bái. Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã tiến hành xác minh và được UBND xã X xác nhận, thửa đất xảy ra tranh chấp giữa hộ gia đình ông Nguyễn Văn T và hộ gia đình ông Nguyễn Văn B có một phần đất nằm trong thửa 653 mà hộ ông B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2013. Năm 2014 nhà nước làm con đường bê tông từ thôn A đi Bản K, con đường mới này đi qua một phần đất thửa số 653 của gia đình ông B (lòng đường 3m, hành lang hai bên, mỗi bên 3m) đã chia thửa đất số 653 của gia đình ông B ra thành hai phần, một phần lớn ở phía bên trái đường hướng thôn A đi Bản K và một phần đất phía bên phải hướng thôn A đi Bản K, phần đất này tiếp giáp với đất và các đám ruộng của hộ gia đình ông T, là phần đất đất nằm trong diện tích tranh chấp giữa hộ gia đình ông T và ông B. Do sơ xuất trong khâu công tác quản lý theo dõi nên UBND xã X đã cung cấp thông tin không chính xác cho Tòa án nhân dân huyện L là thửa đất tranh chấp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy Tòa án nhân dân huyện L đã có vi phạm thủ tục tố tụng; không thu thập chứng cứ đầy đủ, toàn diện chứng cứ dẫn đến việc giải quyết vụ án buộc ông Nguyễn Văn B phải trả toàn bộ 821,2m² đất tranh chấp ở Bản K, xã X cho ông Nguyễn Văn T là chưa đảm bảo tính căn cứ pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự mà tại phiên toà phúc thẩm không thể bổ sung được.

Như vậy, kháng cáo của đồng bị đơn ông Nguyễn Văn B và Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKSL ngày 26-4-2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ cần được chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Vi Thị C và ông Nguyễn Văn B được chấp nhận và cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm nên bà Chính, ông B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 148; khoản 1 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L và kháng cáo của đồng bị đơn Nguyễn Văn B, Vi Thị C. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2017/DS-ST ngày 13 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Đồng bị đơn bà Vi Thị C và ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả lại: 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số: AA/2013/06285 ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự (6)
- Lưu: HSVA, HCTP, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Hồng Quân